TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2025/DS-ST
Ngày: 10-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Mai Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Tấn Tiên;

2. Ông Vũ Hoà.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Hoàng Liêm – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Hồ Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh (Huyện D cũ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1968 và ông Khưu Anh T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã C, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của ông Khưu Anh T: Bà Trần Thị P, sinh năm 1968 địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã C, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo uỷ quyền (hợp đồng uỷ quyền ngày 14-7-2025) có mặt;

2. Bị đơn: Ông Mai Trung T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã C, tỉnh Tây Ninh; (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn thống nhất trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên vợ chồng bà Trần Thị P có cho ông Mai Trung T1 vay tiền tổng cộng 3 lần, cụ thể như sau:

Ngày 11/9/2023 AL (nhằm ngày 25/10/2023 DL), ông T1 vay vào buổi sáng số tiền là: 20.000.000 đồng; có biên nhận nợ; thời hạn trả là tết âm lịch; lãi suất thoả thuận 6%/tháng;

Ngày 11/9/2023 AL (nhằm ngày 25/10/2023 DL), ông T cho ông T1 vay vào buổi chiều số tiền là: 8.000.000 đồng; có biên nhận nợ; ông T1 đã trả cho ông T số tiền 5.000.000 đồng nhưng không nhớ ngày do trả không có biên nhận; còn lại tiền gốc 3.000.000 đồng;

Ngày 24/10/2023 AL (nhằm ngày 06/12/2023 DL), ông T1 vay số tiền là 10.000.000 đồng, có biên nhận nợ; lãi suất thoả thuận 6%/tháng;

Bà P xác nhận đã nhận tiền lãi tổng cộng hai lần bằng tiền mặt: một lần 3.600.000 đồng và một lần 7.000.000 đồng (số tiền 7.000.000 đồng vợ ông T1 trả); trả lãi không có viết biên nhận. Ngoài ra không có trả lãi lần nào khác. Nay bà P, ông T yêu cầu ông T1 trả số tiền gốc tổng cộng 33.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng đối với số tiền vay gốc 30.000.000 đồng từ ngày vay cho đến ngày xét xử. Tại phiên toà bà P yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền vay gốc 30.000.000 đồng từ ngày vay cho đến ngày xét xử, trừ số tiền bà đã nhận 10.600.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Mai Trung T1 có đơn xin vắng mặt nhưng ông có trình bày ý kiến về nội dung vụ án như sau:

Ông T1 xác nhận có vay tiền của ông T và bà P tổng cộng 3 lần với tổng số tiền 38.000.000 đồng; thời gian vay, lãi suất vay, ông có viết biên nhận vay tiền như bà P đã trình bày. Đối với số tiền 8.000.000 đồng ông nhận trực tiếp từ ông T thì ông đã trả cho ông T tất cả 04 lần với số tiền 6.000.000 đồng (02 lần đầu mỗi lần 2.000.000 đồng; 02 lần sau mỗi lần 1.000.000 đồng, không có giấy tờ trả nợ, không nhớ ngày tháng, không có ai biết).

Đối với số tiền 30.000.000 đồng ông nhận trực tiếp từ bà P, chưa trả khoản tiền gốc nào, chỉ trả tiền lãi mỗi tháng, cụ thể như sau: Đối với số tiền 20.000.000 đồng, đã trả 01 tháng số tiền 1.200.000 đồng. Đến ngày 24/10/2023 ông vay thêm số tiền 10.000.000 đồng nên mỗi tháng ông trả tiền lãi 1.800.000 đồng, trả đến tháng 5 năm 2024 thì ngưng. Đến tháng 01 năm 2025 vợ ông là Bùi Thị L có đến nhà bà P trả tiền lãi trực tiếp cho bà P số tiền 7.000.000 đồng. Khi trả tiền lãi cho bà P không có viết giấy biên nhận.

Nay ông T1 xác nhận chỉ còn nợ ông Khưu Anh T và bà Trần Thị P số tiền gốc tổng cộng là 32.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi đã đóng cho bà P đã vượt quá số tiền lãi theo quy định của pháp luật nên ông không đồng ý trả tiền lãi cho bà P nữa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Khưu Anh T và bà Trần Thị P đối với ông Mai Trung T1 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản";

Buộc ông T1 có nghĩa vụ trả cho bà P, ông T số tiền gốc tổng cộng 33.000.000 đồng và lãi suất theo quy định;

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án; các bên đương sự thống nhất xác nhận nội dung ông T1 có vay tiền của bà P, ông T ba lần, cụ thể như sau: Ngày 11/9/2023 AL (nhằm ngày 25/10/2023 DL), ông T1 vay vào buổi sáng số tiền là: 20.000.000 đồng. Ngày 11/9/2023 AL (nhằm ngày 25/10/2023 DL), ông T cho ông T1 vay vào buổi chiều số tiền là: 8.000.000 đồng. Ngày 24/10/2023 AL (nhằm ngày 06/12/2023 DL), ông T1 vay số tiền là 10.000.000 đồng. Hai bên thống nhất lãi suất vay 6%/tháng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông T1 trả số tiền gốc 33.000.000 đồng, thấy rằng:

Ông T1 có vay tiền của vợ chồng bà P ông T số tiền 38.000.000 đồng được thể hiện trong các giấy vay tiền ngày 25/10/2023 DL vay 20.000.000 đồng; ngày 25/10/2023 DL vay 8.000.000 đồng; ngày 06/12/2023 DL vay 10.000.000 đồng là có thật được thể hiện rõ trong các giấy vay tiền và các bên thừa nhận.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng: Ông T xác nhận ông T1 đã trả 5.000.000 đồng tiền gốc (trong giấy vay ngày 11/9/2023 AL, nhằm ngày 25/10/2023 DL), ông T1 cho rằng đã trả 6.000.000 đồng, tuy nhiên ông T1 không có chứng cứ để chứng minh; trong khi đó giấy nợ số tiền 8.000.000 đồng vẫn còn và ông T xác nhận ông T1 chỉ trả được 5.000.000 đồng; do đó, có cơ sở để xác định giấy nợ 8.000.000 đồng vay ngày 25/10/2023 DL, ông T1 còn nợ lại 3.000.000 đồng.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng: Hai bên xác nhận tiền gốc chưa trả nên có cơ sở xác định ông T1 còn nợ vợ chồng bà P, ông T số tiền 30.000.000 đồng.

Như phân tích trên có đủ căn cứ để xác định ông T1 có vay và hiện còn nợ bà P, ông T số tiền gốc 33.000.000 đồng. Do ông T1 không thực hiện nghĩa vụ

trả nợ như thoả thuận nên bà P, ông T khởi kiện yêu cầu trả tiền nợ gốc là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông trực trả tiền lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền vay gốc 30.000.000 đồng từ ngày vay cho đến ngày xét xử.

Ông T1 xác định ông đóng lãi đến tháng 5 năm 2024 thì ngưng; đến tháng 01 năm 2025 vợ ông có đóng lãi cho bà P số tiền 7.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T1 không có chứng cứ để chứng minh số tiền lãi ông đã trả cho bà P. Bà P chỉ thừa nhận từ khi ông T1 vay tiền cho đến nay bà đã nhận tiền lãi tổng cộng 10.600.000 đồng nên có cơ sở xác định tiền lãi bà P đã nhận là 10.600.000 đồng.

Xét thấy mức lãi suất hai bên thoả thuận 6%/tháng là vượt mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên tiền lãi được tính lại như sau:

Số tiền lãi đối với tiền vay 20.000.000 đồng, ngày 25/10/2023 DL đến ngày xét xử 10/9/2025 là 7.515.000 đồng (20.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 22 tháng 15 ngày);

Số tiền lãi đối với tiền vay 10.000.000 đồng, ngày 06/12/2023 DL đến ngày xét xử 10/9/2025 là 3.529.000 đồng (10.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 21 tháng 04 ngày);

Tiền lãi ông T1 phải trả cho vợ chồng bà P, ông T là 11.044.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi bà P đã nhận 10.600.000 đồng thì ông T1 còn phải trả thêm cho bà P, ông T số tiền 444.000 đồng.

[5] Từ những phân tích và nhận định trên. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, ông T. Buộc ông T1 trả cho bà P, ông T số tiền 33.444.000 đồng; trong đó tiền gốc 33.000.000 đồng và tiền lãi 444.000 đồng.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết, nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà P, ông T được chấp nhận. Buộc ông T1 trả cho bà P, ông T số tiền 33.444.000 đồng nên ông T1 phải chịu án phí theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 là 1.672.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P và ông Khưu Anh T đối với ông Mai Trung T1 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản";

Buộc ông Mai Trung T1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị P và ông Khưu Anh T tổng số tiền 33.444.000 (ba mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng; trong đó tiền gốc 33.000.000 đồng và tiền lãi 444.000 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Mai Trung T1 phải chịu 1.672.500 (một triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Ông Khưu Anh T và bà Trần Thị P không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Khưu Anh T và bà Trần Thị P tiền tạm ứng đã nộp 1.325.000 (một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001137 ngày 18 tháng 7 năm 2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 11, Tây Ninh;
- Chi cục THADS Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Mai Dung